

Số: **42** /2019/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **24** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **06** tháng 11 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Bộ Tư pháp;
 - Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Như điều 3;
 - VPUB: LĐVP, NN;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam;
 - Lưu: VT, NN.
- C-NN/2019

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

QUY ĐỊNH
về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **42** /2019/QĐ-UBND
ngày **14** tháng **10** năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và lĩnh vực khác (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân);
- b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân);
- c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã);
- d) Doanh nghiệp;
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc ưu đãi hỗ trợ, điều kiện để được hỗ trợ

1. Các quy định về nguyên tắc ưu đãi hỗ trợ thực hiện theo Điều 10, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Điều kiện để được hỗ trợ thực hiện theo Điều 11, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 3. Các hình thức liên kết, hợp đồng liên kết, dự án liên kết

1. Các hình thức liên kết quy định tại Điều 4, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Hợp đồng liên kết quy định tại Điều 5, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Dự án liên kết quy định tại Điều 6, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ HỖ TRỢ THỰC HIỆN LIÊN KẾT

Điều 4. Chính sách hỗ trợ thực hiện liên kết thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 5. Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết quy định tại Điều 12, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 6. Các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gồm:

1. Đối với lĩnh vực trồng trọt gồm: lúa, gạo, ngô, khoai lang, khoai tây, đỗ các loại, rau, quả (*dưa chuột, ổi, chuối, na, bưởi, cam, chanh, hồng xiêm, nhãn, mít*), hoa (*lan, hồng, cúc, ...*), nấm ăn.

2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi gồm: bò thịt, bò sữa, lợn, gia cầm, thủy cầm, trứng, mật ong và các sản phẩm từ mật ong.

3. Đối với lĩnh vực thủy sản: cá các loại.

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện

1. Vốn bố trí từ nguồn ngân sách (*Trung ương, địa phương*), trong đó:

a) Vốn đầu tư phát triển: Hàng năm bố trí vốn để hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp để bố trí cho các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Vốn sự nghiệp: Sử dụng vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình khuyến nông, chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp được bố trí hàng năm để chi hỗ trợ tư vấn xây dựng dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết; hỗ trợ khuyến nông; hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi giá trị; hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm và hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ theo quy định.

2. Vốn huy động từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân, nông dân tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 8. Quyền lợi, nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết

1. Quyền của các bên tham gia liên kết thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Điều 9. Xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng và dự án liên kết

Việc xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng và dự án liên kết hoặc kế hoạch hỗ trợ liên kết theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Phê duyệt dự án liên kết hoặc hợp đồng liên kết có phạm vi hoạt động trên địa bàn từ 2 huyện, thành phố trở lên hoặc quy mô dự án có tổng giá trị đầu tư từ 10 tỷ đồng trở lên.

Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án hỗ trợ liên kết hoặc kế hoạch hỗ trợ liên kết theo quy định;

c) Thông tin, tuyên truyền về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến các đối tượng thụ hưởng biết và triển khai thực hiện liên kết;

d) Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định dự án liên kết và kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, cân đối, tham mưu lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hỗ trợ cho liên kết theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan để bố trí, cân đối, lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp theo quy định của Luật ngân sách đối với các dự án liên kết.

b) Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí vốn hỗ trợ liên kết từ ngân sách để hỗ trợ các bên tham gia liên kết theo quy định.

4. Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hỗ trợ các bên tham gia liên kết đảm bảo thực hiện đúng cam kết của hợp đồng liên kết và tiêu



thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển thị trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép nguồn vốn xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh; tăng cường công tác xúc tiến thương mại để hỗ trợ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển thị trường trong nước và ngoài nước.

5. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép nguồn vốn đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm để hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp khoa học hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đồng bộ theo chuỗi giá trị để hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu, nhãn hàng hóa cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường thông tin về các chính sách hỗ trợ liên kết, các hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp để khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân và nông dân tham gia liên kết;

b) Tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hà Nam: Chỉ đạo ngân hàng thương mại trên địa bàn phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai có hiệu quả chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

9. Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Tham gia phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền, hướng dẫn tư vấn pháp luật và hỗ trợ hợp tác xã, nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của nông dân trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

2. Phê duyệt dự án liên kết hoặc hợp đồng liên kết trên địa bàn huyện, thành phố có tổng giá trị đầu tư dưới 10 tỷ đồng.

3. Hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết (nguồn vốn đầu tư) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp để hỗ trợ các

bên tham gia liên kết theo Quy định này gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh phân khai nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ liên kết theo quy định.

4. Kiểm tra, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

Điều 13. Các tổ chức chính trị- xã hội và các hội, hiệp hội

1. Thông tin, tuyên truyền, tư vấn, vận động và thông báo đến các thành viên hỗ trợ các bên tham gia liên kết và thực hiện đúng hợp đồng liên kết theo quy định này nhằm góp phần xây dựng các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh có tiềm năng, thế mạnh phát triển thị trường trong nước và ngoài nước.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích của thành viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết; cung cấp các thông tin về giải pháp hỗ trợ quy trình kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường.

Điều 14. Chủ đầu tư dự án liên kết hoặc Chủ trì liên kết

1. Lập đơn đề nghị về việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (theo mẫu số 01) và hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết theo quy định trình cấp thẩm quyền thẩm định hồ sơ và phê duyệt theo phân cấp quy định này.

2. Tập hợp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, hóa đơn thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ các bên tham gia liên kết thực hiện dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo từng vụ hoặc chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm/năm) trình cấp có thẩm quyền xem xét, huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành

Đối với các nội dung khác chưa quy định cụ thể trong Quyết định này thì áp dụng theo các quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

**TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

Hà Nam, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi:

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh sốngày cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:
2. Địa bàn thực hiện:
3. Quy mô liên kết:
4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:
 2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:
 3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:
 4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:
 5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:
 6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:
 7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:
- Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT...

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

Hà Nam, ngày tháng năm

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:.....

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết.....

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:



- Điện thoại:.....Fax:E-mail

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)
.....

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:

.....
...

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

.....
- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

.....
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,)

.....
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,)

.....
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)



II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

Nơi nhận:

-
- Lưu VT...

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Chủ trì liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: Email:
2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)
 - a) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:, Fax: E-mail
 - b) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: E-mail
3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)
4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết

5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
- Quy mô liên kết:
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
- Hình thức liên kết:

- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày.....tháng.....năm.....,tại.....,
chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:, Fax: E-mail.....
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật.....
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:, Fax: E-mail
3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:.....

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
- 3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,
an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi:(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:.....

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

- Trồng trọt Lâm nghiệp Chăn nuôi Nuôi trồng thủy sản
Khai thác, sản xuất muối Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

**DỰ ÁN LIÊN KẾT HOẶC KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**

1. Tên Dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết (hạng mục/nội dung hỗ trợ): ...

2. Địa điểm xây dựng liên kết:

3. Thành phần tham gia nghiệm thu gồm:

a) Đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện, các phòng chuyên môn cấp huyện nghiệm thu (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và cử tham gia làm đại diện)

b) Chủ đầu tư dự án liên kết (Chủ trì liên kết): Tên doanh nghiệp hoặc HTX

Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục/nội dung đầu tư được hỗ trợ:

c) Tên Nhà thầu thi công các hạng mục/nội dung đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: ngày tháng năm

- Kết thúc: ... ngày tháng năm

Tại:

5. Đánh giá theo nội dung của dự án/KH được cấp có thẩm quyền phê duyệt (hạng mục/nội dung hỗ trợ):

a) Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu gồm dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được phê duyệt để hỗ trợ: Chi phí tư vấn xây dựng liên kết; đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết; xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo, tập huấn; mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới...(nghiệm thu theo từng vụ/từng nội dung hỗ trợ theo các hợp đồng liên kết đã ký)

b) Quy mô dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ (ghi cụ thể theo từng năm/từng vụ sản xuất hoặc chu kỳ khai thác sản phẩm)

.....

c) Các bên tham gia liên kết (về thực hiện đúng cam kết thỏa thuận trong hợp đồng liên kết), cụ thể:

.....

d) Các ý kiến khác (nếu có)

.....

6. Kết luận của đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện:

- Nghiệm thu dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo từng hạng mục/nội dung hỗ trợ liên kết đạt yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nêu cụ thể nội dung, kinh phí được hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia liên kết...)

.....

- Yêu cầu sửa chữa, bổ sung hoàn thiện (ghi cụ thể các nội dung cần sửa chữa, bổ sung để hoàn chỉnh, thời gian, địa điểm.... và các ý kiến khác nếu có).

.....

Thông nhất các nội dung được nghiệm thu (nêu cụ thể nội dung được nghiệm thu theo từng hợp đồng liên kết) và số tiền chi hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định (kèm theo danh sách nhận tiền hỗ trợ và các chứng từ, hóa đơn, hợp đồng...có liên quan thực hiện dự án liên kết), các bên tham gia liên kết chịu trách nhiệm về cung cấp đầy đủ, trung thực những thông tin liên quan trong biên bản nghiệm thu này./.

ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO UBND

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

**ĐẠI DIỆN CÁC BÊN THAM GIA
LIÊN KẾT
(HOẶC CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)**